

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2021
Vụ “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu;
2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1868/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1965/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trình Văn C, sinh năm 1988; có mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1986; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trình Văn C trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 02 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Anh làm nghề cửa sắt, còn chị T làm C nhân may tại C ty may gần nhà. Vợ chồng chung sống trong thời gian đầu không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên đến đầu năm 2017, vì vợ chồng chung

sống không có con nên chị T thường đi làm về khuya. Nhiều lần anh khuyên can nhưng chị T không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau đó nhiều lần chị T đi làm rồi tối không về nhà. Sự việc xảy ra thường xuyên từ năm 2017 đến nay. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tuyết T.

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T không có con chung.

Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết T không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh không vay mượn tài sản của ai và không có ai vay mượn tài sản của vợ chồng anh.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C được ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trình Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh chị Nguyễn Thị Tuyết T cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng chị Nguyễn Thị Tuyết T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng chị Nguyễn Thị Tuyết T không đến Tòa làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Anh C và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử thấy

rằng trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên mâu thuẫn vì chị T thường xuyên đi làm về khuya, có đêm chị T không về nhà. mặc dù anh C đã nhiều lần khuyên can nhưng chị T không nghe nên mâu thuẫn kéo dài liên tục từ năm 2017 đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh C và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Tuy đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị T không có ý kiến gì về việc anh C yêu cầu ly hôn. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho anh C được ly hôn chị T.

[4] Về con chung: Anh Trình Văn C và chị Nguyễn Thị Tuyết T không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ: Anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản và vợ chồng anh chị không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trình Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sung vào C quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Anh Trình Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết T.

2. Về tiền án phí: Anh Trình Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sung vào C quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000782 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC THADS H. T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã P, huyện
T, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Duy Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Mậu Phạm Thị Tuyết Mai

Võ Duy Minh

